

輔英科技大學 保健營養系

Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Phụ Anh

Khoa Dinh dưỡng và Sức khỏe

產學合作專班學生實習手冊

Sổ tay thực tập sinh viên chương trình hợp tác doanh nghiệp

112 學年度以後入學學生適用

(第一版)

Áp dụng cho sinh viên nhập học từ năm học 2023 trở đi

(Phiên bản 1)

班級 Lớp :

姓名 Họ tên :

電話 Điện thoại : 07-7811151 轉 7638

傳真 Fax : 07-7826740

學校地址 : 高雄市大寮區永芳里進學路 151 號

Địa chỉ trường: Số 151, đường Jinxue, khu Đại Liêu, TP Cao Hùng

目錄 Mục lục

壹、產業實習成績考核及請定.....	2
Đánh giá và công nhận điểm thực tập tại doanh nghiệp	
貳、學生個別實習計畫書（範本）.....	5
Kế hoạch thực tập cá nhân của sinh viên (mẫu)	
附件一：校外實習申請表	8
Phụ lục 1: Đơn xin thực tập ngoài trường	
附件二：實習同意切結書.....	10
Phụ lục 2: Giấy cam kết đồng ý thực tập	
附件三：實習終止放棄聲明書	12
Phụ lục 3: Tuyên bố chấm dứt hoặc từ bỏ thực tập	
附件四：實習單位變更(交換)切結書.....	13
Phụ lục 4: Giấy cam kết thay đổi (hoán đổi) đơn vị thực tập	
附件五：學生實習糾紛(爭議)協調申訴表.....	14
Phụ lục 5: Phiếu khiếu nại/điều phối tranh chấp trong thực tập của sinh viên	
附件六：學生實習週誌.....	15
Phụ lục 6: Nhật ký tuần thực tập của sinh viên	

壹、產業實習成績考核及請假規定

Quy định đánh giá thành tích và xin nghỉ phép khi thực tập

適用對象：新南向專班學生（以下簡稱實習生）

Đối tượng áp dụng: Sinh viên chuyên ban Tân Hướng Nam (sau đây gọi là sinh viên thực tập)

一、學生實習規則 Nội quy sinh viên thực tập

(一) 凡患有法定傳染病及精神病等身心不健康者，不得參加實習。

Những sinh viên mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật hoặc các bệnh tâm thần, sức khỏe không đảm bảo, không được tham gia thực tập.

(二) 實習注意事項 Những lưu ý khi thực tập:

1. 實習期間除了注意個人安全之外，首重態度，認真學習。

Trong thời gian thực tập, ngoài việc chú ý đến an toàn cá nhân, ưu tiên hàng đầu là thái độ nghiêm túc và học hỏi tích cực.

2. 注重職場倫理、禮儀、溝通、團隊合作、建立良好人際關係。

Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, lễ nghi, kỹ năng giao tiếp, hợp tác nhóm và xây dựng mối quan hệ tốt.

3. 需遵守該實習單位訂定之各項實習規則，並按規定準時上班，穿著實習單位規定之服裝。

Tuân thủ các quy định thực tập tại đơn vị thực tập, đi làm đúng giờ theo quy định và mặc đồng phục do đơn vị quy định.

4. 上班時間內不得擅離實習場所、會客、接撥私人電話、寫信或處理私事。

Trong giờ làm việc, không được tự ý rời khỏi nơi thực tập, tiếp khách, nhận/gọi điện thoại cá nhân, viết thư hoặc xử lý việc riêng.

5. 實習時應注意服裝儀容，不得配帶任何飾物，不得留長指甲或塗指甲油。

Chú ý đến trang phục và ngoại hình khi thực tập, không đeo trang sức, không để móng tay dài hoặc sơn móng tay.

(三) 每學期實習成績考核辦法 Phương pháp đánh giá kết quả thực tập mỗi học kỳ :

1. 實習單位評分佔 60%，實習結束後之書面報告佔 40%。

Điểm đánh giá của đơn vị thực tập chiếm 60%, báo cáo bằng văn bản sau khi thực tập chiếm 40%.

2. 實習期間由實習單位負責考核學生勤惰及學習成績，並由其導師或相關教師實地訪視評核。

Trong thời gian thực tập, đơn vị thực tập chịu trách nhiệm đánh giá thái độ và kết quả học tập của sinh viên, ngoài ra giáo viên hướng dẫn sẽ đến địa điểm thực tập khảo sát và đánh giá.

3. 實習結束前一週內繳交實習報告，以供本系評分，逾期以零分計算。

Báo cáo thực tập phải được nộp trong vòng một tuần trước khi kết thúc thực tập để Khoa chấm điểm, nếu trễ sẽ tính điểm 0.

(四) 學生校外實習期間之各項表現，均適用本校學生獎懲辦法之規定。

Mọi hành vi trong thời gian thực tập ngoài trường sẽ áp dụng theo quy định khen thưởng và kỷ luật của nhà trường.

(五) 若學生在實習期間，態度與表現不佳，經評定屬實，實習單位經通知本系知悉後，有權力可以予以退訓。

Nếu thái độ và biểu hiện của sinh viên trong thời gian thực tập không đạt yêu cầu, sau khi

đơn vị thực tập báo cáo cho Khoa, đơn vị thực tập có quyền đình chỉ thực tập của sinh viên.

二、學生實習請假辦法 **Quy định xin nghỉ phép khi thực tập của sinh viên**

(一) 學生請假分為事假、病假、喪假三種，均須依照下列規定完成請假手續，未經核准而缺席者視為曠班，實習單位扣減成績和實習津貼。

Sinh viên được nghỉ với ba loại: nghỉ phép cá nhân (việc riêng), nghỉ ốm, và nghỉ tang lễ, phải hoàn tất thủ tục theo quy định dưới đây. Sinh viên nghỉ không được phê duyệt sẽ bị coi là nghỉ không phép, đơn vị thực tập sẽ trừ điểm và trợ cấp thực tập.

1.病假 Nghỉ ốm：

(1) 學生如果因病當天無法實習，須於實習單位上班後一小時內，先以電話報告實習單位及實習指導人員，經核准後方得請假。

Nếu sinh viên bị ốm và không thể thực tập trong ngày, cần báo cáo qua điện thoại cho đơn vị thực tập và giáo viên hướng dẫn trong vòng một giờ sau khi giờ làm việc bắt đầu, sau khi được phê duyệt mới được nghỉ phép.

(2) 連續三日 (含) 以上之病假，需再附上醫院診斷證明。病假二日 (含) 以上應以 line 群組方式向保健營養系報備。

Trường hợp nghỉ ốm từ ba ngày liên tiếp trở lên, cần nộp giấy chứng nhận khám bệnh từ bệnh viện. Nếu nghỉ ốm từ hai ngày trở lên, cần thông báo qua nhóm LINE của Khoa Dinh dưỡng và sức khỏe.

2.事假 Nghỉ việc riêng：

(1) 無特殊原因不得請事假。

Không được xin nghỉ phép cá nhân nếu không có lý do đặc biệt.

(2) 非緊急突發事件，應於一日前完成請假手續。

Trong trường hợp không phải việc khẩn cấp, cần hoàn tất thủ tục xin phép trước một ngày.

(3) 因緊急事故無法事前請假，應先以電話報告實習單位及實習指導人員，經核准後方得請假。

Trong trường hợp khẩn cấp không thể xin phép trước, cần báo cáo qua điện thoại cho đơn vị thực tập và giáo viên hướng dẫn, và chỉ được nghỉ khi đã được phê duyệt.

3.喪假 Nghỉ tang：(請假日數如下所述) Số ngày nghỉ cụ thể như sau)

(1) 父母：五日以內。Cha mẹ: tối đa 5 ngày.

祖父母、兄弟姊妹：三日以內。Ông bà nội ngoại, anh chị em ruột: tối đa 3 ngày.

高曾祖父母、伯叔父母：一日以內。Cụ cố, cô/dì/chú/bác: tối đa 1 ngày.

從兄弟姊妹、侄：一日以內。Anh/chị/em họ, cháu ruột: tối đa 1 ngày.

前項假期中，如未曾舉行喪禮者，另擇出殯日期得給喪假一日。

Nếu không tổ chức tang lễ, có thể nghỉ một ngày vào ngày đưa tang.

(2) 需檢附訃文或相關證明，先經實習單位簽准後，方為完成請假手續。

Cần nộp cáo phó hoặc giấy chứng nhận liên quan, sau khi được đơn vị thực tập phê duyệt, thủ tục xin nghỉ mới được hoàn tất.

(二) 凡未依前項規定請假或請假未准而擅離實習單位者，一律以曠班論處。

Trường hợp không tuân thủ quy định xin nghỉ hoặc nghỉ không được phê duyệt mà tự ý rời khỏi nơi thực tập, sẽ bị xử lý là nghỉ không phép.

(三) 學生實習期間缺席及曠班依下列規定辦理：

Xử lý trường hợp nghỉ và nghỉ không phép trong thời gian thực tập:

1. 『學生獎懲規定辦法』第五條第一款：校外實習不依規定報到、請假或擅自曠班達八小時以上者，應予記申誡一次。

Theo điều 5, khoản 1 trong "Quy định khen thưởng và kỷ luật sinh viên": Sinh viên thực tập không tuân thủ quy định báo cáo, tự ý nghỉ không phép từ 8 giờ trở lên, sẽ bị cảnh cáo một lần.

2. 『學生獎懲規定辦法』第五條第二款：合於前項所列各款而再犯者，或情節較嚴重者，應予記小過一次，且另以上述曠班規定懲處。

Theo điều 5, khoản 2: Nếu tiếp tục vi phạm các quy định nêu trên hoặc có hành vi nghiêm trọng hơn, sẽ bị kỷ luật một lần và xử lý theo quy định nghỉ không phép.

3. 缺席及曠班總時數超過該次實習時數之三分之二者，成績不予計算。

Tổng thời gian nghỉ và nghỉ không phép vượt quá 2/3 tổng thời gian thực tập, sẽ không được tính điểm thành tích.

貳、學生個別實習計畫書（範本）

Kế hoạch thực tập cá nhân của sinh viên (mẫu)

輔英科技大學 保健營養系 學生個別實習計畫書

Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Phụ Anh

Kế hoạch thực tập cá nhân của sinh viên – Khoa Dinh dưỡng và Sức khỏe

一、基本資料 Thông tin cơ bản			
學生姓名 Họ tên sinh viên		年級/班別 Niên khóa/Lớp	
性別 Giới tính	<input type="checkbox"/> 男 Nam <input type="checkbox"/> 女 Nữ	學號 Mã số sinh viên	
實習課程類型 Loại hình khóa thực tập	<input type="checkbox"/> 學年課程 Khóa học cả năm <input type="checkbox"/> 學期課程 Khóa học theo học kỳ <input type="checkbox"/> 暑期課程 Khóa học hè <input type="checkbox"/> 短期課程 Khóa học ngắn hạn <input type="checkbox"/> 海外實習課程 Khóa thực tập ở nước ngoài	實習期間 Thời gian thực tập	1. 年月日至年月日，實習總時數共計__小時 Từ năm_tháng_ngày đến năm_tháng_ngày, tổng số giờ thực tập là __ giờ. 2. 每日實習時數為 小時 Số giờ thực tập mỗi ngày: __ giờ
實習課程名稱 Tên học phần thực tập		開課學年/學期 Năm học/Học kỳ	
實習機構名稱 Tên đơn vị thực tập		實習部門 Bộ phận thực tập	
實習機構指導教師 Giáo viên hướng dẫn tại đơn vị thực tập		學校輔導教師 Giáo viên hướng dẫn tại trường	
二、實習學習內容 Nội dung học tập thực tập			
實習課程核心能力 Năng lực cốt lõi của khóa tập	核心能力: 溝通表達、多元學習、自我探索、人際關係、職涯禮儀 Năng lực cốt lõi: Giao tiếp và diễn đạt, học tập đa dạng, khám phá bản thân, quan hệ giữa các cá nhân, nghi thức nghề nghiệp.		
各階段實習內容 具體規劃與時程 分配 Nội dung thực tập theo từng giai đoạn Kế hoạch cụ thể và phân bổ thời gian	期程規劃 Kế hoạch thời gian		實習內容 Nội dung thực tập
	第 1-2 週 Tuần 1-2	__年__月__日 至 __年__月__日	
	第 3-4 週 Tuần 3-4	__年__月__日 至 __年__月__日	
	第 5-8 週 Tuần 5-8	__年__月__日 至 __年__月__日	
			對應之核心能力 Năng lực cốt lõi tương ứng

	第 9-12 週 Tuần 9-12	___年___月___日 至 ___年___月___日		
	第 13-16 週 Tuần 13-16	___年___月___日 至 ___年___月___日		
	第 17-18 週 Tuần 17-18	___年___月___日 至 ___年___月___日		
實習機構提供實習課程指導與資源說明 Mô tả hướng dẫn và nguồn lực do đơn vị thực tập cung cấp cho khóa thực tập				
教師輔導訪視實習課程進行之規劃 Kế hoạch giáo viên hướng dẫn đến thăm và theo dõi quá trình thực tập	一學期導師與輔導教師至少訪視 2 次，含電訪 Trong một học kỳ, giảng viên chủ nhiệm và giáo viên hướng dẫn phải thăm hỏi ít nhất 2 lần, bao gồm cả gọi điện thoại.			
實習機構專家指導實習課程規劃 Kế hoạch chuyên gia của đơn vị thực tập hướng dẫn khóa thực tập				
三、實習成效考核與回饋 Đánh giá hiệu quả thực tập và phản hồi				
實習成效考核指標或項目 Chỉ số hoặc hạng mục đánh giá hiệu quả thực tập	實習表現(含出缺席)、書面實習報告 Thể hiện trong quá trình thực tập (bao gồm điểm danh), báo cáo thực tập bằng văn bản			
實習成效與教學評核方式 Phương thức đánh giá hiệu quả thực tập và giảng dạy	實習表現 60%、書面報告 40%。 Điểm thực tập chiếm 60%, báo cáo bằng văn bản chiếm 40%.			
實習課程回饋規劃 Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi về học phần thực tập	僱主滿意度調查、實習課程核心能力、學生課程滿意度 Khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị thực tập, đánh giá năng lực cốt lõi của khóa thực tập, mức độ hài lòng của sinh viên đối với khóa học			
實習學生簽名(章) Chữ ký (đóng dấu) của sinh viên thực tập	實習機構指導教師簽名(章) Chữ ký (đóng dấu) của giáo viên hướng dẫn tại đơn vị thực tập	輔導教師簽名(章) Chữ ký (đóng dấu) của giáo viên hướng dẫn		

說明：本表為學生實習前由實習機構、各系輔導教師共同制定並向學生說明、討論內容及所安排的學習主題，正本由各系自存，另影本分送實習機構、實習學生存查。

Thuyết minh: Biểu mẫu này được lập trước khi thực tập bởi đơn vị thực tập và giáo viên hướng dẫn của các khoa, cùng nhau xây dựng và giải thích, thảo luận nội dung cũng như chủ đề học tập đã được sắp xếp với sinh viên. Bản chính sẽ được lưu giữ tại khoa, bản sao được gửi cho đơn vị thực tập và sinh viên để lưu làm tài liệu đối chiếu.

<p>※若媒合成功，後續將利用您的基本資料進行保險事宜，請問您願意嗎？</p> <p>※ Nếu được sắp xếp thực tập thành công, thông tin cá nhân của bạn sẽ được sử dụng để làm thủ tục bảo hiểm. Bạn có đồng ý không?</p> <p><input type="checkbox"/> 我願意 Tôi đồng ý <input type="checkbox"/> 不願意 Tôi không đồng ý 學生簽名 Chữ ký sinh viên :</p>

輔英科技大學 保健營養系
Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Phụ Anh
Khoa Dinh dưỡng và Sức khỏe
實習同意切結書

Giấy cam kết đồng ý tham gia thực tập

一、本同意書依據「輔英科技大學保健營養系實習要點」及本系「實習作業流程」辦理。
Cam kết này được thực hiện theo quy định của “Quy định thực tập của Khoa Dinh dưỡng và Sức khỏe – Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Phụ Anh” và “Quy trình thực hiện thực tập của Khoa”.

二、本系學生符合本系營養師考試實習課程施行要點之學業成績規定，且身心健康狀況符合本系及實習單位規定之學生。

Sinh viên thuộc Khoa Dinh dưỡng và Sức khỏe đủ điều kiện thực tập theo quy định của chương trình thực tập dành cho kỳ thi chứng chỉ dinh dưỡng viên, có thành tích học tập đạt yêu cầu và tình trạng sức khỏe thể chất và tinh thần đáp ứng quy định của Khoa và đơn vị thực tập.

三、實習規定事項 Quy định thực tập：

(1) 實習開始後，若因病或事故中途放棄，應檢附相關證明文件，向系上和實習單位同時提出說明，並取得雙方之同意；始得停止實習，然實習成績則不予計分，但得由本系協助再安排實習單位（以一次為限）。

Sau khi bắt đầu thực tập, nếu sinh viên phải bỏ dở giữa chừng do bệnh tật hoặc sự cố, cần nộp các giấy tờ chứng minh liên quan và đồng thời thông báo cho khoa và đơn vị thực tập, đồng thời phải được cả hai bên chấp thuận. Chỉ sau khi có sự đồng ý, sinh viên mới được phép dừng thực tập. Trường hợp này sẽ không được tính điểm thực tập, nhưng khoa có thể hỗ trợ sắp xếp lại đơn vị thực tập (chỉ một lần duy nhất).

(2) 實習期間，若無故中途放棄，實習成績以零分計，且依據本校「大學學生獎懲規定」第五條第二款第十九項，屬「其它相當於上列各目情事，應予記小過者」，予以記小過之處分，本系將不另行安排實習單位。

Nếu sinh viên bỏ dở thực tập giữa chừng mà không có lý do chính đáng, điểm thực tập sẽ bị tính là 0. Ngoài ra, theo Điều 5, Khoản 2, Mục 19 của “Quy định khen thưởng và kỷ luật sinh viên đại học của trường”, hành vi này được xem là vi phạm cần bị xử lý kỷ luật cảnh cáo. Khoa sẽ không sắp xếp lại đơn vị thực tập.

(3) 實習同學應遵守實習單位之各項規定。違反規定者，依情節輕重給予適當處分，情節重大者，將立即停止實習，成績以零分計。

Sinh viên thực tập phải tuân thủ các quy định của đơn vị thực tập. Trường hợp vi phạm quy định, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật thích hợp. Nếu vi phạm nghiêm trọng, sẽ bị chấm dứt thực tập ngay lập tức và bị điểm 0.

(4) 實習期間請/休假辦法依本系及實習單位相關規定辦法辦理。

Việc xin nghỉ hoặc nghỉ phép trong thời gian thực tập phải thực hiện theo quy định

của khoa và đơn vị thực tập.

四、實習生同意上列各項規定，若有偽造不實，將接受學校之懲處，不得有異議。

Thực tập sinh đồng ý với tất cả các quy định nêu trên. Nếu có hành vi giả mạo hoặc khai báo không trung thực, sẽ chấp nhận sự xử lý kỷ luật của nhà trường và không được khiếu nại.

五、本同意書需經家長或監護人之簽章，始得生效。

Giấy cam kết này chỉ có hiệu lực khi có chữ ký của phụ huynh hoặc người giám hộ.

立書人： (簽章)

Người cam kết : (Ký và ghi rõ họ tên)

身分證字號：

Số CMND/CCCD:

家長或法定監護人： (簽章)

Phụ huynh hoặc người giám hộ hợp pháp: (Ký và ghi rõ họ tên)

(年滿 20 歲以上者，得免付家長或法定監護人之簽章)

(Nếu đã đủ 20 tuổi trở lên thì không cần chữ ký của phụ huynh hoặc người giám hộ)

身分證字號：

Số CMND/CCCD:

此致 敬啟

輔英科技大學 保健營養系

Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Phụ Anh - Khoa Dinh dưỡng và Sức khỏe

中華民國 年 月 日
Trung Hoa Dân Quốc năm tháng ngày

輔英科技大學 實習終止放棄聲明書
Đại học Khoa học và Công nghệ Phụ Anh -Tuyên bố chấm dứt và từ bỏ thực tập

本人 000 (輔英科技大學 00 學院 000 系，學號 00000000)，因 xxxxx 因素，故本人自願放棄「XXXXX」實習機會，感謝承辦單位這些日子的協助與辛勞，望主辦方見諒。

Tôi 000 (Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Phụ Anh, Học viện 00, Khoa 000, mã số sinh viên 00000000), vì lý do xxxxx, nên tôi tự nguyện từ bỏ cơ hội thực tập tại “XXXXX”. Cảm ơn đơn vị phụ trách đã hỗ trợ và vất vả trong những ngày qua, mong bên tổ chức thông cảm.

此致

Kính gửi

XXXXX 實習單位

Đơn vị thực tập XXXXX

XXXXX 系所/行政單位

Khoa/Bộ phận hành chính XXXXX

聲明人簽名：

Người tuyên bố ký tên:

身分證字號：

Số CMND/CCCD:

日期：

Ngày:

輔英科技大學保健營養系

Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Phụ Anh - Khoa Dinh dưỡng và Sức khỏe

實習單位變更(交換)切結書

Giấy cam kết thay đổi (hoán đổi) đơn vị thực tập

本人 Tôi là : _____

為(日間部/進修部)_____年制_____系(科)_____年_____班之實習生，原
選填實習單位為_____

Là thực tập sinh thuộc (Hệ chính quy / Hệ vừa học vừa làm)___ năm hệ___ khoa
(ngành)___ năm___ lớp, Đơn vị thực tập ban đầu đã đăng ký là: _____

願與_____

Tự nguyện cùng với _____

(日間部/進修部)_____年制_____系(科)_____年_____班之實習生，原選
填實習單位為_____

Là thực tập sinh thuộc (Hệ chính quy / Hệ vừa học vừa làm)___ năm hệ___ khoa
(ngành)___ năm___ lớp, Đơn vị thực tập ban đầu đã đăng ký là: _____

變更(交換)實習單位，恐口說無憑，特立此切結書，並不再變更。

Do thay đổi (hoán đổi) đơn vị thực tập, lo ngại lời nói không có bằng chứng, nay lập giấy cam
kết này và cam kết sẽ không thay đổi thêm lần nữa.

立書人:_____ 身分證字號:_____

Người cam kết:_____ Số CMND/CCCD: _____

聯絡電話 Số điện thoại liên lạc:_____

立書人:_____ 身分證字號:_____

Người cam kết:_____ Số CMND/CCCD: _____

聯絡電話 Số điện thoại liên lạc:_____

此致 Kính gửi

輔英科技大學 保健營養系

Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Phụ Anh - Khoa Dinh dưỡng và Sức khỏe

中華民國 _____ 年 _____ 月 _____ 日

Trung Hoa Dân Quốc _____ năm _____ tháng _____ ngày

附件五 Phụ lục 5

輔英科技大學_____學年度_____系學生實習糾紛(爭議)協調申訴表

Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Phụ Anh
Biểu mẫu khiếu nại/điều phối tranh chấp thực tập của sinh viên
Khoa _ năm học _

年 月 日
Năm tháng ngày

一、申訴人： Người khiếu nại:	系： Khoa:	班級： Lớp:	學號： Mã số sinh viên:
通訊地址： Địa chỉ liên lạc:			
聯絡電話： Số điện thoại liên lạc:		行動電話： Số điện thoại di động:	
工作年資：自 年 月 日 至 年 月 日 Thâm niên làm việc: Từ năm tháng ngày đến năm tháng ngày 擔任職務： Chức vụ đảm nhiệm:			
二、實習機構： Đơn vị thực tập:		地 址： Địa chỉ:	
聯絡人： Người liên hệ:		職 稱： Chức vụ:	
聯絡電話： Số điện thoại liên lạc:		行動電話： Số điện thoại di động:	
三、申訴案情說明： Tường trình nội dung khiếu nại:			
一、 本申訴書將由課程輔導教師會同系實習委員會召開協調會。 Đơn khiếu nại này sẽ được giáo viên phụ trách khóa học phối hợp với Ủy ban thực tập của khoa tổ chức buổi họp điều phối.			
二、 本申訴書內容屬實且申訴人知悉前項協調處理方式。 Nội dung trong đơn khiếu nại là đúng sự thật và người khiếu nại đã hiểu rõ phương thức điều phối xử lý nêu trên.			
申請人(簽章)： Người nộp đơn (ký và đóng dấu):		<div style="border: 1px solid black; width: 80px; height: 40px; margin: 0 auto;"></div>	

輔英科技大學 學生實習週誌

Nhật ký thực tập của sinh viên Trường Đại học FOOYIN

系科 Ngành học	保健營養系	班級 Lớp	年 班
學號 Mã số sinh viên		姓名 Họ tên	
實習課程名稱 Tên khóa thực tập		實習期間 Thời gian thực tập	年 月 至 年 月
實習機構名稱/實習部門(單位) Tên cơ quan thực tập / Bộ phận (đơn vị) thực tập :			

週次 Tuần thứ	實習內容摘要 Tóm tắt nội dung thực tập	
第一週 Tuần thứ 1	(請簡述) Vui lòng tóm tắt ngắn gọn:	
	本週應實習時數：____小時/本週請假時數：____小時/本週實際實習時數：____小時 Số giờ thực tập trong tuần: __giờ/Số giờ xin nghỉ trong tuần: __giờ/Số giờ thực tập thực tế trong tuần: __giờ	
	實習學生簽名(日期) Sinh viên thực tập ký tên (Ngày ký)	實習單位指導簽名(日期) Người hướng dẫn tại đơn vị thực tập ký tên (Ngày ký)
第二週 Tuần thứ 2	(請簡述) Vui lòng tóm tắt ngắn gọn:	
	本週應實習時數：____小時/本週請假時數：____小時/本週實際實習時數：____小時 Số giờ thực tập trong tuần: __giờ/Số giờ xin nghỉ trong tuần: __giờ/Số giờ thực tập thực tế trong tuần: __giờ	
	實習學生簽名(日期) Sinh viên thực tập ký tên (Ngày ký)	實習單位指導簽名(日期) Người hướng dẫn tại đơn vị thực tập ký tên (Ngày ký)
第__週 Tuần thứ__	(請簡述) Vui lòng tóm tắt ngắn gọn:	
	本週應實習時數：____小時/本週請假時數：____小時/本週實際實習時數：____小時 Số giờ thực tập trong tuần: __giờ/Số giờ xin nghỉ trong tuần: __giờ/Số giờ thực tập thực tế trong tuần: __giờ	
	實習學生簽名(日期) Sinh viên thực tập ký tên (Ngày ký)	實習單位指導簽名(日期) Người hướng dẫn tại đơn vị thực tập ký tên (Ngày ký)

備註：1.請確實記錄實習工作內容、描述與實習相關的事物及自我省思檢討。

2.本實習週誌請於實習結束後，併入實習心得報告裝訂備查。

Ghi chú: 1. Vui lòng ghi chép đầy đủ nội dung công việc thực tập, mô tả các sự việc liên quan đến thực tập và tự đánh giá, suy ngẫm bản thân.

2. Nhật ký thực tập này xin vui lòng gộp chung vào báo cáo thu hoạch thực tập sau khi kết thúc thực tập và đóng tập để lưu trữ.